Phụ lục số 90

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ PÀ CÒ

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 6	Giáp địa giới hành chính xã Mai Châu nhà ông Bùi Văn Định xóm Bò Liêm	Hết đất nhà ông Hà Văn Quỳnh (xóm Tam Hoa)	1.000	660	420	700	460	290	610	410	260
2		Hết đất nhà ông Hà Văn Quỳnh (xóm Tam Hòa)	Giáp địa giới hành chính xã Vân Hồ (tỉnh Sơn La)	700	460	290	490	330	210	430	280	180
3	Đường Tỉnh lộ 439	Đầu cầu Pường	Hết nhà ông Đinh Công Lưu (xóm Mượt)	480	300	250	340	280	210	290	240	180
4		Hết nhà ông Đinh Công Lưu (xóm Mượt)	Khu tái định cư Táu Nà	300	230	160	210	170	120	190	140	110
5		Khu tái định cư Táu Nà	Giáp địa giới hành chính xã Xuân Nha (tỉnh Sơn La)	300	230	160	210	170	120	190	140	110
6	Đường huyện 63	Ngã ba Cây Đa (xóm Mượt)	Giáp địa giới hành chính xã Bao La	480	300	250	340	280	210	290	240	180
7	Đường liên xã	Giáp địa giới hành chính xã Vân Hồ (tỉnh Sơn La)	Nhà văn hoá xóm Pà Cò I	600	380	300	420	270	210	370	240	190
8		Nhà văn hoá Xóm Pà Cò I	Hết địa giới hành chính xã Pà Cò (xóm Pà Háng Lớn)	600	380	300	420	270	210	370	240	190
9		Nhà văn hoá Pà Cò I	Ngã ba nhà ông Đỗ Đình Chỉnh	300	230	160	210	170	120	190	140	110
10		Ngã ba nhà ông Đỗ Đình Chỉnh (xóm Hang kia)	Giáp địa giới hành chính xã Vân Hồ (xóm Pò Khôm)	480	300	250	340	280	210	290	240	180
11		Ngã ba ông Đỗ Đình Chỉnh xóm Hang Kia	Đồn Công an xã Pà Cò	600	380	300	420	270	210	370	240	190
12	Đường trục chính	Trụ sở Công an xã Pà Cò	Hết xóm Thung Mài	500	330	230	350	240	170	310	210	160
13		Ngã ba Thung Mài	Hết xóm Thung Ẳng	500	330	230	350	240	170	310	210	160
14		Ngã ba Tạ Xuân Hiệp	Hết địa giới hành chính xã Pà Cò (xóm Thung Mạn)	500	330	230	350	240	170	310	210	160
15		Nhà ông Đào Văn Toàn (Quán sửa xe máy) xóm Xà Lính	Sân vận động xã Pà Cò cũ (chân dốc nhà ông Mùa A Lỳ)	600	380	300	420	270	210	370	240	190

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
16	Đường trục chính	Ngã ba xóm Pà Cò I (nhà Ông Hàng A Khai)	Ông Sùng A Páo (xóm Pà Háng Lớn)	340	270	210	250	190	150	210	170	140
17		Ngã ba đường xuống Tà Sông A	Khu dân cư	340	270	210	250	190	150	210	170	140
18		Ngã ba nhà ông Mùa A Phong xóm Pà Háng lớn	Cắt ngõ xóm Pà Háng quan cũ nay là Pà Cò I	300	230	160	210	170	120	190	140	110
19		Quán cơm Nguyễn Thị Phương xóm Hang Kia	Ngã ba quán ông Thành xóm Hang Kia	480	300	250	340	280	210	290	240	180
20		Ngã 3 quán Mai Chứ đi vào sân vận động xóm Hang Kia	Ngã 3 nhà ông Đua (Vàng) xóm Hang kia	480	300	250	340	280	210	290	240	180
21		Nhà ông Hà Quang Nhân	Nhà ông Vì Văn Hưng (Hin Pén, xóm Pheo)	300	230	160	210	170	120	190	140	110
22		Ngã ba xóm Pheo	Hết nhà ông Hà Văn Khô (xóm Mượt)	300	230	160	210	170	120	190	140	110
23		Tiếp giáp nhà ông Vì Văn Hưng (Hin Pén, xóm Pheo)	Hết nhà ông Lường Văn Dựa, xóm Táu Nà	300	230	160	210	170	120	190	140	110
24		Nhà bà Lường Thị Xoan (xóm Bò Liêm)	Hết nhà bà Vì Thị Hường (xóm Bò Liêm)	300	230	160	210	170	120	190	140	110
25		Nhà bà Vũ Thị Hà	Hết nhà bà Hà Thị Quê (xóm Bò Báu)	300	230	160	210	170	120	190	140	110
26		Trạm Y Tế (Tân sơ cũ)	Hết nhà ông Hà Văn Nghiệp (xóm Bò Báu)	300	230	160	210	170	120	190	140	110
27		Nhà ông Hà Văn Quý xóm Bò Báu	Hết nhà ông Hà Quý Thương (xóm Bò Báu)	300	230	160	210	170	120	190	140	110
28		Nhà ông Bàn Văn Tiến xóm Tam Hòa	Hết nhà ông Bùi Văn Hoà (xóm Tam Hoà)	300	230	160	210	170	120	190	140	110
29		Ngã ba nhà ông Hàng A Danh xóm Xà Lính	Qua chợ nhà ông Đào Văn Toàn (Quán sửa xe máy) Xà Lính	600	380	300	420	270	210	370	240	190
30		Giáp Quốc lộ 6 nhà ông Lý Văn Thành xóm Cang	Hết nhà ông Hàng A Sĩ xóm Cang	400	260	230	300	250	200	270	200	170
31		Nhà ông Tềnh A Páo (xóm Pà Cò Lớn)	Hết nhà ông Hân (xóm Pà Cò Lớn)	400	260	230	300	250	200	270	200	170
32		Nhà ông Hà Văn Giáp (xóm Mượt)	Hết Đội 1 xóm Cun	300	230	160	210	170	120	190	140	110
33		Ngã ba đội 1 xóm Pheo	Đội 4 xóm Pheo	300	230	160	210	170	120	190	140	110
34		Ngã ba nhà văn hoá xóm Pheo	Hết Đội 3 xóm Pheo	300	230	160	210	170	120	190	140	110

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
35	Đường trục chính	Trạm hạ thế Hang Kia	Nhà Vàng a Sáng xóm Hang Kia	300	230	160	210	170	120	190	140	110
36		Nhà ông Chỉnh vòng sân bóng	Nhà ông Tỉnh xóm hang kia	240			200			160		
37		Ngã ba UBND xã Pà Cò	Nhà ông Vàng A Của (Dống) xóm Hang Kia	300	230	160	210	170	120	190	140	110
38		Ngã ba nhà Giàng Chu	Quán tạp hóa nhà Thành Thúy	240			200			160		
39		Ngã ba nhà Giàng Chu	Nhà ông Vàng A Nhà xóm hang kia	240			200			160		
40	Khu tái định cư xóm Cun; khu tái định cư xóm Hin Pén			300			210			190		
41	Khu tái định cư xóm Táu Nà			300			210			190		
42	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			290			220			190		